

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu: Thi công xây dựng công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được duyệt và theo mô tả công việc mời thầu, khối lượng mời thầu (trong bảng chi tiết hạng mục xây lắp - Mẫu số 01);

- Tên gói thầu: Gói thầu số 01: Thi công xây dựng công trình.
- Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn tại xã Đức Hợp và xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên.
- Địa điểm xây dựng: các xã Đức Hợp và xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên.
- Chủ đầu tư: Chi cục Phát triển nông thôn Hưng Yên.
- Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức quản lý dự án theo quy định hiện hành của nhà nước và của tỉnh.

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh;

- Các văn bản pháp lý liên quan:

- + Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc Phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn tại xã Đức Hợp và xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên;

- + Quyết định số 43/QĐ-CCPTNT ngày 25/5/2026 của Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt dự toán điều chỉnh thuộc dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn tại xã Đức Hợp và xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên;

- + Quyết định số 44/QĐ-CCPTNT ngày 25/5/2026 của Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn tại xã Đức Hợp và xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên (Nguồn ngân sách tỉnh);

2. Quy mô đầu tư xây dựng và các giải pháp kỹ thuật chính:

2.1. Quy mô đầu tư

- Đường GTNT, cấp B.
- Vận tốc thiết kế $V_{tk}=20\text{Km/h}$.
- Tải trọng trục thiết kế $P_{tk}=2,5\text{T}$.
- Kết cấu mặt đường BTXM.
- Tổng chiều dài tuyến $L= 1.767,30\text{m}$.

2.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

2.2.1 Bình đồ: Tim tuyến, hướng tuyến cơ bản bám theo các tuyến đường cũ, thiết kế mở rộng về hai bên cho phù hợp địa hình để hạn chế GPMB. Công trình gồm 04 tuyến.

- Tuyến 1: Điểm đầu từ nhà ông Toán, thôn Đức Phú; điểm cuối là đường BTXM vào công ty Thành Phát; chiều dài khoảng $L=617,20\text{m}$.

- Tuyến 2: Điểm đầu từ nhà ông Cường, đội 7; điểm cuối là nhà bà Nhung, đội 6; chiều dài khoảng $L=483,20\text{m}$.

- Tuyến 3: Điểm đầu từ nhà ông Lực, đội 8; điểm cuối giáp đê bồi; chiều dài khoảng $L=292,00\text{m}$.

- Tuyến 4: Điểm đầu cạnh bờ ao nhà ông Hưng, thôn Tả Hà; điểm cuối đi bên đò Giáng; chiều dài khoảng $L=374,90\text{m}$.

2.2.2. Trắc dọc: Trên cơ sở cao độ khống chế bởi đầu tuyến, cuối tuyến các đoạn tuyến và địa hình khu vực tuyến đi qua, thiết kế cao độ mặt đường đảm bảo chiều dày kết cấu và êm thuận.

2.2.3. Trắc ngang.

a) Trắc ngang:

- Chiều rộng mặt $B_{\text{mặt}}=3,5\text{m}$; dốc ngang hai mái 2,0%.

- Chiều rộng lề $B_{\text{lề}}=2 \times 0,75\text{m}=1,50\text{m}$; dốc ngang 4%.

- Chiều rộng nền $B_{\text{nền}}=5,0\text{m}$.

b) Nền đường, lề đường:

- Nền đường phạm vi đường cũ: Đào bỏ lớp đất không thích hợp, đào nền đường đến cao độ thiết kế, đắp nền bằng cát đen đầm chặt K95 dày 30cm.

- Nền đường phạm vi lấn mương (tuyến 1, tuyến 2, tuyến 3): Thiết kế tường chắn (loại 1, loại 2) bằng xây gạch không nung M75 vữa XMCM M75, trên lớp đệm bằng đá dăm 2×4 , dày 10cm. Gia cố nền bằng cọc tre $D(6\div 8)\text{cm}$ dài 2,0m mật độ đóng 25 cọc/m². Mặt ngoài trát vữa XMCM M75 dày 1,5cm. Ống thoát nước uPVC D60 bố trí mật độ 5m/ống, khe lún bằng 2 lớp bao tải tấm nhựa đường 3 lớp. Cách khoảng 5,0m bố trí sườn tăng cường xây gạch không nung M75 vữa XMCM M75. Đắp đất hố móng đầm chặt K90.

- Nền đường phạm vi lấn ao sâu (tuyến 4): Thiết kế tường chắn xây đá hộc (loại 3, loại 4) vữa XMCM M100, trên lớp đệm bằng đá dăm 2×4 , dày 10cm. Mái xây đá hộc vữa XMCM M100 dày 30cm, đệm móng đá dăm 2×4 dày 10cm. Gia cố nền bằng cọc tre $D(6\div 8)\text{cm}$ dài 2,0m mật độ đóng 25 cọc/m². Ống thoát nước uPVC D60 bố trí mật độ 5m/ống, khe lún bằng 2 lớp bao tải tấm nhựa đường 3 lớp. Đắp đất hố móng đầm chặt K90.

- Nền đường phạm vi lấn ruộng thiết kế tường chắn xây gạch loại 5, loại 6, loại 7, loại 8 (tuyến 1, tuyến 2, tuyến 3) bằng gạch không nung M75 vữa XMCM M75, trên lớp đệm bằng đá dăm 2×4 , dày 10cm. Mặt ngoài trát vữa XMCM M75 dày 1,5cm. Khe lún bằng 2 lớp bao tải tấm nhựa đường 3 lớp. Đắp đất hố móng đầm chặt K90.

2.2.4. Kết cấu áo đường theo thứ tự từ trên xuống:

- Lớp mặt BTXM mác 250 đá 2×4 dày 16cm.

- Lớp nilong chống mất nước

- Lớp cát đen tạo phẳng dày 3cm.

- Móng cấp phối đá dăm loại II dày 14cm $D_{\text{max}}=37,5$ đầm chặt K98.

2.2.5. Thoát nước.

a) Thoát nước dọc: Thoát nước dọc tự nhiên.

b) Thoát nước ngang: Tuyến 2 thiết kế cống D400 tại Km0+439,34. Kết cấu cống D400: Ống cống bằng BTCT tải trọng tiêu chuẩn (tương đương HL93), móng cống BTXM M150 đá 2x4 trên lớp đệm đá dăm 2x4 dày 10cm gia cố nền bằng cọc tre D(6÷8)cm dài 2,0m mật độ cọc 25 cọc/m².

2.2.6. An toàn giao thông: Thiết kế gờ chắn bánh trên đỉnh tường chắn với chiều dài 1m để cách 2m. Gờ chắn bánh kích thước 0,22mx0,28mx1,0m xây bằng gạch không nung M75 vữa XMCM M75, trát bằng vữa XMCM M75 dày 1,5cm.

3. Thời hạn hoàn thành: Trong thời gian 120 ngày kể từ ngày khởi công xây dựng công trình

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Trong khoảng thời gian 120 ngày kể từ ngày khởi công xây dựng công trình.

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

1. Yêu cầu về mặt kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Nhà thầu phải tuân thủ các nội dung quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng và Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan như:

TT	Tên Tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Tổ chức thi công	TCVN 4055-2012
2	Quy trình thi công và nghiệm thu công tác đất	TCVN 4447-2012
3	Kết cấu gạch đá - Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu	TCVN 4085:2011
4	Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông	TCCS40:2022/TCĐBVN
5	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường – Thi công và nghiệm thu.	TCVN 8859:2023
6	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối	TCVN 4453:1995
7	Nước cho bê tông và vữa – Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4506:2012
8	Tiêu chuẩn xi măng Pooc lăng - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 6260:2020
9	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN7570:2006
10	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2024/BGTVT
11	Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan	

- Cung cấp toàn bộ vật tư, vật liệu đúng yêu cầu kỹ thuật theo thiết kế được phê duyệt đưa vào thi công công trình và phải đảm bảo các loại vật tư, vật liệu đưa vào sử dụng đều mới chưa qua sử dụng;

- Chỉ huy trưởng, cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm và đủ năng lực theo quy định đảm bảo thực hiện đúng đắn và đúng thời hạn nghĩa vụ của nhà thầu theo hợp đồng.

- Công nhân kỹ thuật, người lao động phải có trình độ tay nghề phù hợp, đã từng thi công công trình có tính chất tương tự được hướng dẫn, tập huấn trước khi thi công công trình.

- Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị:

Nhà thầu chứng minh có số lượng, chủng loại, chất lượng và tiến độ huy động máy móc, thiết bị thi công, vật tư, nhân lực đáp ứng yêu cầu thi công công trình đảm bảo chất lượng và tiến độ yêu cầu.

- Nhà thầu phải thi công đảm bảo đúng trình tự thi công theo yêu cầu về mặt kỹ thuật của gói thầu, đúng bản vẽ thiết kế được phê duyệt.

- Nhà thầu phải trình bày biện pháp thi công cụ thể của từng mục công việc với yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo an toàn thi công đáp ứng yêu cầu về chất lượng thiết kế được duyệt, quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng của công trình.

- Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường. Phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định.

- Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về an toàn lao động tại công trình và các hoạt động bên ngoài phạm vi công trình nhưng có liên quan đến việc thi công công trình trong suốt thời gian thi công công trình.

- Căn cứ vào khối lượng, thời gian thi công nhà thầu nêu các biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công đảm bảo tiến độ thi công công trình.

- Biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục của Nhà thầu đề ra phải khoa học, hợp lý, đảm bảo trình tự thi công theo đúng quy trình, quy phạm hiện hành của Nhà nước, của ngành.

2. Yêu cầu về bảo hành: Thời gian bảo hành công trình là 12 tháng.

IV. Các bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: Các bản vẽ được UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt tại Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên và được Scan đầy đủ, đăng tải đính kèm cùng với E-HSMT.